

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN G  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/DS-ST  
Ngày: 09-9-2020  
“V/v Tranh chấp nợ hụi và thực  
hiện nghĩa vụ do người chết  
để lại”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Tôn

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Lương Thị Hồng Hạnh;

2. Bà Vũ Thị Đào.

**- Thư ký phiên tòa :** Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hoàng Hát – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 tháng 7 và 09 tháng 9 năm 2020, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện G, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 187/2019/TLST-DS, ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp nợ hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị B - sinh năm 1962 (có mặt);

Địa chỉ: ấp HT, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Danh L - sinh năm 1975 (có mặt);

Địa chỉ: ấp HM, xã Đ, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Thị Bé H - sinh năm 1977 (có đơn xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp HM, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Ông Danh V – sinh năm 1928 (vắng mặt); Anh Danh Minh N – sinh ngày 23/7/2002 và chị Danh Thị Minh T – sinh ngày 08/7/2004 (đều có đơn xin vắng mặt).

Người giám hộ của Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T: Ông Danh L (cha ruột);

Cùng địa chỉ: ấp HM, xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 21/10/2019, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:*

Bà có tham gia chơi hụi do bà Thị Tuyết M (tên gọi khác là D) vợ ông Danh L làm chủ hụi và bà tham gia các dây hụi như sau:

Dây hụi 3.000.000 đồng, áp ngày 11/4/2017, hụi 01 tháng xỏ hai lần vào ngày 15 và ngày 30 hàng tháng, dây hụi này có tổng cộng 55 chân. Bà tham gia một chân, hụi xỏ được 25 lần thì ngưng do bà M chết, bà chưa được hốt hụi và đã đóng được số tiền 55.665.000 đồng (tiền vốn).

Dây hụi 500.000 đồng áp vào ngày 26/6/2017, hụi một tuần xỏ một lần, dây hụi này có 72 chân. Bà tham gia chơi hai chân, hụi đã xỏ được 40 lần thì ngưng xỏ do bà M chết. Dây hụi này bà cũng chưa được hốt hụi và đã đóng được số tiền 31.770.000 đồng (tiền vốn).

Tổng 02 dây hụi trên bà đã đóng cho bà M được số tiền 87.435.000 đồng. Đến ngày 27/6/2018, giữa bà, ông L và bà H thỏa thuận là bà H nợ tiền hụi ông L, ông L thì nợ tiền hụi bà cho nên bà H có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông L số tiền là 81.000.000 đồng (bà giảm cho ông L 6.435.000đ) mỗi tháng trả 6.000.000 đồng nhưng không thực hiện được vì bà H không chịu trả cho bà. Từ đó, bà làm đơn kiện ông L đòi nợ hụi nên ngày 13/07/2018, ông L đồng ý có trách nhiệm là gom tiền của bà H trả cho bà mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả vào ngày 30 hàng tháng, ông L có làm giấy cam kết giao cho bà giữ và ông L nhờ bà đi chợ ghé lấy tiền giùm ông. Bà nhận tổng số tiền từ bà H là 21.500.000 đồng có biên nhận kèm theo. Nhưng từ tháng 12/2018 đến nay, bà H không chịu trả nữa và nói thiếu ông L chứ không thiếu bà nên bà không đồng ý giảm cho ông L số tiền 6.435.000đ nữa. Như vậy, số tiền ông L còn nợ bà là 66.935.000 đồng nhưng do lúc làm đơn khởi kiện bà ghi nhầm số tiền là 66.135.000đ nên bà chỉ khởi kiện đòi lại số tiền 66.135.000đ.

Tại phiên tòa, bà B xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 6.635.000đ, đồng thời yêu cầu Tòa án gbuộc ông Danh L cùng 02 người con của ông L cùng có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 59.500.000 đồng, yêu cầu trả một lần.

Đối với ông Danh V thì bà Phạm Thị B không có yêu cầu gì.

- *Bị đơn ông Danh L trình bày:* Vợ ông là Thị Tuyết M (tên thường gọi là D) đã chết vào ngày 16/4/2018, vợ chồng ông có 02 người con chung tên Danh Minh N và Danh Thị Minh T, mẹ vợ là bà Thị Sậy chết năm 2018, cha vợ là ông Danh V hiện đang bị bệnh tai biến, liệt nửa thân người, không nói chuyện được. Việc tổ chức các dây hụi trên do vợ ông và các hụi viên tự thỏa thuận với nhau cũng không có làm hợp đồng trên giấy tờ mà chỉ có danh sách các dây hụi. Vợ ông là Thị Tuyết M làm chủ hụi và không có sự đồng ý của ông trong việc tổ chức các dây hụi. Sau khi vợ ông chết, các hụi viên còn sống có đến nhà ông và thống nhất với nhau là ngưng không cho xỏ tiếp và nhờ ông đứng ra thu tiền hụi chết giao cho hụi còn sống theo hình thức bốc thăm số thứ tự từ 01 đến 28 nhưng những hụi viên chết không chịu đóng với nhiều lý do và một số thì họ tự gạt hụi qua lại với nhau. Trường hợp bà B có thỏa thuận với hụi viên đã hốt là Thị Bé H và có đến nhà ông

làm biên bản thỏa thuận để bàn giao tiền hụi và ông đã đồng ý chứng kiến và hai người cũng thống nhất số tiền trên nên không liên quan gì đến ông nữa.

Tại phiên tòa, ông Danh L không đồng ý trả cho bà Phạm Thị B số tiền nợ hụi 59.500.000đ vì cho rằng trách nhiệm trả số nợ này thuộc về bà Thị Bé H nên yêu cầu Tòa án không công nhận ông còn nợ bà B số tiền trên.

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Thị Bé H trình bày: Sau khi ngưng xổ hụi, giữa bà, bà B và ông L có thống nhất và lập biên bản bàn giao tiền hụi thì bà có nghĩa vụ trả cho bà B số tiền hụi là 81.000.000 đồng, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng cho đến khi dứt điểm số nợ. Bà có thực hiện trả nợ cho bà B từ ngày lập biên bản là ngày 29/6/2018 cho đến khi chợ Đ bị cháy nhưng không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu (bà B có ghi sổ theo dõi và bà có ký tên xác nhận trong sổ). Do bà B có thái độ không tốt nên bà không trả nợ cho bà B nữa mà chỉ đồng ý trả nợ hụi cho ông Danh L, việc trả nợ cho ông L thì bà và ông L tính toán thỏa thuận sau. Hơn nữa, theo bà biết ông L có làm giấy cam kết trả nợ hụi cho bà B khoảng hai năm trước nên trách nhiệm trả tiền hụi cho bà B là của ông Danh L không phải của bà.

Anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T đều cho rằng không biết chuyện làm ăn của cha mẹ nên không có ý kiến cũng như yêu cầu gì trong vụ kiện và xin vắng mặt.

***Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:***

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp nợ hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” là đúng quy định thuộc thẩm quyền giải quyết. Từ khi thụ lý đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định, tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với đương sự đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử nên đề nghị Tòa án rút kinh nghiệm.

Ý kiến về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 471, 615, 651, 658 và 688 Bộ luật Dân sự; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biếu, phường. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B xử buộc ông Danh L, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T cùng có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị B 59.500.000 đồng; áp dụng Điều 244 BLTTDS đình chỉ một phần yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 6.635.000 đồng.

### **XÉT THẤY:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: “Tranh chấp nợ hụi và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại” giữa nguyên đơn bà Phạm Thị B, bị đơn ông Danh L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thị Bé H, ông Danh V, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm

quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa, bà Thị Bé H, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng; ông Danh V vắng mặt lần thứ 2 do bệnh tai biến, xét việc vắng mặt này không gây trở ngại cho việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2]. Về nội dung : Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải trả số tiền nợ hui là 59.500.000 đồng và không yêu cầu gì khác với lý do: Bà B có tham gia chơi hai dây hui do bà Thị Tuyết M làm chủ, tổng số tiền bà đã đóng cho bà M là 87.435.000 đồng nhưng do bà M chết nên hui ngưng không xổ nữa. Đến ngày 27/6/2018, giữa bà B, ông L và bà H thỏa thuận là bà H nợ tiền hui ông L, ông L thì nợ tiền hui bà B cho nên bà H có nghĩa vụ trả nợ thay cho ông L số tiền là 81.000.000 đồng (bà B giảm cho ông L 6.435.000đ) cho bà B, mỗi tháng trả 6.000.000 đồng nhưng không thực hiện được vì bà H không chịu trả cho bà B. Từ đó, bà B làm đơn kiện ông L đòi nợ hui nên ngày 13/07/2018, ông L đồng ý có trách nhiệm là gom tiền của bà H trả cho bà B mỗi tháng 3.000.000 đồng, trả vào ngày 30 hàng tháng, ông L có làm giấy cam kết giao cho bà B giữ và ông L nhờ bà B đi chợ ghé lấy tiền giùm ông. Bà B nhận tổng số tiền từ bà H là 21.500.000 đồng có biên nhận kèm theo. Nhưng từ tháng 12/2018 đến nay, bà H không chịu trả nữa và nói thiếu ông L chứ không thiếu bà B nên bà B không đồng ý giảm cho ông L số tiền 6.435.000đ nữa. Như vậy, số tiền ông L còn nợ bà B là 66.935.000 đồng nhưng do lúc làm đơn khởi kiện bà ghi nhầm số tiền là 66.135.000đ nên bà chỉ khởi kiện đòi lại số tiền 66.135.000đ. Tại phiên tòa, bà B xin rút 01 phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu bị đơn phải trả số tiền 6.635.000đ. Việc tự nguyện rút 01 phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn là phù hợp nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu này của nguyên đơn.

[3]. Do vậy, xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B buộc ông Danh L, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T phải có nghĩa vụ trả hết số tiền hui mà ông Danh L đã làm giấy cam kết cho bà B số tiền còn lại là 59.500.000 đồng, yêu cầu trả một lần là có cơ sở chấp nhận.

[4]. Xét yêu cầu của ông Danh L là đề nghị Tòa án xem xét công nhận cho ông không còn thiếu bà Phạm Thị B số tiền trên. Vì ông cho rằng bà B có thỏa thuận với hui viên đã hốt là bà H và có đến nhà ông làm biên bản thỏa thuận để bàn giao tiền hui từ ông sang cho bà H để trả cho bà B và ông đã đồng ý chứng kiến và hai người cũng thống nhất số tiền trên nên không liên quan đến ông nữa là chưa đủ cơ sở cho nên HĐXX không có căn cứ xem xét. Tuy nhiên, các bên có lập biên bản bàn giao nợ tay ba là bà H có nghĩa vụ trả tiền nợ hui cho bà B thay cho ông L, tại biên bản bàn giao tiền hui được lập ngày 29/6/2018, do không thực hiện được tức là bà H không giao trả cho bà B như trong biên bản đã lập. Do đó, đến ngày 13/7/2018 chính ông L đã tự nguyện làm giấy cam kết là có trách nhiệm gom tiền hui từ bà H để trả cho bà B 3.000.000 đồng/tháng với số tiền là 79.500.000

đồng là kết thúc. Như vậy, biên bản bàn giao tiền hội ngày 29/6/2018 giữa ba người không còn hiệu lực vì đã thỏa thuận thay thế bằng giấy cam kết trả nợ ngày 13/7/2018 của ông Danh L.

[5]. Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[6]. Về án phí DSST là 2.975.000 đồng ông Danh L, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T phải chịu nộp, vì yêu cầu của bà B được HĐXX chấp nhận toàn bộ.

Bà Phạm Thị B được nhận lại số tiền 1.650.000 đồng mà bà đã nộp tạm ứng trước đây theo biên lai thu số 0005823 ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 228 và Điều 244 BLTTDS năm 2015; Điều 471, 615, 651, 658 và Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP, ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hội, họ, biểu, phường; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Tuyên xử:** Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B đối với số tiền 6.635.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B. Buộc ông Danh L, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T có nghĩa vụ trả cho bà Phạm Thị B 59.500.000 đồng (năm mươi chín triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:** ông Danh L, anh Danh Minh N và chị Danh Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.975.000 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bà Phạm Thị B được nhận lại số tiền 1.650.000 đồng (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005823, ngày 06/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**3. Quyền kháng cáo:** Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (09/9/2020). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“Trong trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi

hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7, Điều 7a và Điều 7b Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*Đã ký*

**Trần Văn Tôn**